TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 241/2019/QĐST-HNGĐ	*Quận 7, ngày 03 tháng 5 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào các Điều 212, 213 và Khoản 4 Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, 55, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có hiệu lực thi hành ngày 01/01/2015;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 278/2019/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông Phạm Xuân Đ, sinh năm 1979; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số A Đường số X, Khu phố 3, phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh; tạm trú: Căn hộ X Sky G Y, Khu phố 6, phường Tân Phong, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bà Huỳnh Thị Ngọc N, sinh năm 1981; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số số Y Đường Đề T, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh; tạm trú: Căn hộ X Sky G Y, Khu phố 6, phường Tân Phong, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Quan hệ vợ chồng giữa ông Phạm Xuân Đ và bà Huỳnh Thị Ngọc N được xác lập vào năm 2006, có đăng ký kết hôn quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Các đương sự hiện đang cư trú tại Quận 7 và có đơn yêu cầu thuận tình ly hôn, căn cứ theo quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 và Khoản 2 Điều 29, Điều 35; Điểm h Khoản 2 Điều 39 Bộ Luật tố tụng Dân sự năm 2015 thì đây là việc thuận tình ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 7.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Trong quá trình giải quyết việc dân sự các đương sự thống nhất trình bày như sau:

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng chín năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do giữa vợ chồng có nhiều bất đồng trong quan niệm sống, không có sự chia sẻ thông cảm cho nhau.

Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng tiếp tục chung sống cũng không hạnh phúc, không có khả năng đoàn tụ nên các đương sự yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

Xét thấy việc thuận tình ly hôn của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên chấp nhận.

[3] Về con chung:

Trong quá trình chung sống các đương sự xác nhận có ba con chung họ và tên: Phạm Huỳnh Cát T (nữ), sinh ngày 23/11/2009; Phạm Huỳnh Vĩnh G (nam), sinh ngày 12/8/2011 và Phạm Huỳnh Gia T (nữ), sinh ngày 23/02/2014.

Sau khi thuận tình ly hôn các đương sự thống nhất thỏa thuận giao 03 con Phạm Huỳnh Cát T (nữ), sinh ngày 23/11/2009; Phạm Huỳnh Vĩnh G (nam), sinh ngày 12/8/2011 và Phạm Huỳnh Gia T (nữ), sinh ngày 23/02/2014 cho bà Huỳnh Thị Ngọc N trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc, ông Phạm Xuân Đ không cấp dưỡng nuôi các con chung.

Xét thấy việc thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện nên chấp nhận.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự xác nhận không có nên không xem xét giải quyết.

[5] Về nợ chung: Các đương sự xác nhận không có nên không xem xét giải quyết.

[6] Về lệ phí việc dân sự: Các đương sự phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự theo quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể:

Về quan hệ hôn nhân: ông Phạm Xuân Đ và bà Huỳnh Thị Ngọc N thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận hôn nhân số 204, quyển số 02 do Ủy ban nhân dân Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11/12/2006).

- Về con chung: Bà Huỳnh Thị Ngọc N và ông Phạm Xuân Đ xác nhận có ba con chung họ và tên: Phạm Huỳnh Cát T (nữ), sinh ngày 23/11/2009; Phạm Huỳnh Vĩnh G (nam), sinh ngày 12/8/2011 và Phạm Huỳnh Gia T (nữ), sinh ngày 23/02/2014.

Sau khi thuận tình ly hôn bà Huỳnh Thị Ngọc N và ông Phạm Xuân Đ thống nhất giao 03 con chung họ và tên: Phạm Huỳnh Cát T (nữ), sinh ngày 23/11/2009; Phạm Huỳnh Vĩnh G (nam), sinh ngày 12/8/2011 và Phạm Huỳnh Gia T (nữ), sinh

ngày 23/02/2014 cho bà Huỳnh Thị Ngọc N trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc, ông Phạm Xuân Đ không cấp dưỡng nuôi các con chung.

Ông Phạm Xuân Đ có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

-Về tài sản chung: Các đương sự xác nhận không có.

- Về nợ chung: Các đương sự xác nhận không có.

- Về lệ phí dân sự sơ thẩm: Các đương sự chịu lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng lệ phí số AA/2017/0026968 ngày 16/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Các đương sự đã nộp đủ.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND Tp.HCM;
- VKSND Q7;
- Chi cục THADS Q7;
- UBND Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, TPHCM;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS (TK.Loan).

THẨM PHÁN

Nguyễn Chí Hiếu